TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Huỳnh Công Thân.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh ngày 29/8/1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tỉnh.

2- Bị đơn: Anh Văn Thanh K, sinh ngày 21/02/1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K kết hôn với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tỉnh ngày 18/02/2013. Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau, dẫn đến cự cải làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau đến

nay gần 6 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn vớ anh Văn Thanh K.

Về con chung: Có 01 người con tên Văn Ngọc D, sinh ngày 08/11/2011, hiện đang sống với chị H. khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị H thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Văn Thanh K Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Bùi Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K đều vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xử cho chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xử giao cháu Văn Ngọc D, sinh ngày 08/11/2011 (theo nguyện vọng của cháu D) cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với chị Bùi Thị H được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị Bùi Thị H đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với anh Văn Thanh K được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Văn Thanh K.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K kết hôn với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 18/02/2013 nên hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cải với nhau nên vợ chồng đã ly thân nay, trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị và gia đình cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xử cho chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K có 01 người con chung tên Văn Ngọc D, sinh ngày 08/11/2011, hiện đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu xin được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cuộc sống của cháu D cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu D và bản thân chị cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử giao cháu Văn Ngọc D cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H và anh Văn Thanh K ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cháu Văn Ngọc D, sinh ngày 08/11/2011 (theo nguyện vọng của cháu D) cho chị Bùi Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị H và anh K có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003237 ngày 14/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị H và anh K vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm